

NHỮNG BẤT CẬP VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ MỘT SỐ TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM CỦA CON NGƯỜI TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999

ThS. PHẠM VĂN BÁU *

Hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em và dâm ô đối với trẻ em là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền nhân thân của con người, đó là quyền được tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người. Vì lẽ đó, các tội xâm phạm nhân phẩm được quy định khá sớm trong luật hình sự và ngày càng được hoàn thiện phù hợp và đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong từng thời kì lịch sử. Tuy vậy, trên cơ sở lí luận khoa học luật hình sự và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng cho thấy vẫn còn một số hạn chế trong quy định của BLHS về các tội này cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Những bất cập đó là: về chủ thể của các tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm và cưỡng dâm trẻ em (từ Điều 111 đến Điều 114 BLHS); về quy định của khoản 4 Điều 112 BLHS; về dấu hiệu của tội giao cấu với trẻ em Điều 115 BLHS và về thái độ tâm lí (lỗi) của người phạm tội với đối tượng bị xâm hại là trẻ em (các điều 112, 114, 115, 116). Bài viết này phân tích những bất cập nói trên và đề xuất phương hướng hoàn thiện một số dấu hiệu thuộc bốn yếu tố CTTTP của một số tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con

người. Bởi “*Hoàn thiện các CTTTP về mặt kĩ thuật để đảm bảo tính thống nhất của cả hệ thống và tính rõ ràng, chính xác của từng CTTTP sẽ không chỉ giúp nhà làm luật thể hiện được nội dung quy định của luật theo đúng ý tưởng của mình mà còn giúp người áp dụng, người nghiên cứu hiểu và tiếp nhận đúng, hạn chế hiểu sai, hiểu không thống nhất luật*”.⁽¹⁾

1. Về chủ thể của các tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em (từ Điều 111 đến Điều 114 BLHS)

Theo nguyên tắc chung, BLHS quy định dấu hiệu chung của chủ thể của tội phạm trong Phần chung của Bộ luật. Trong Phần các tội phạm, chủ thể của tội phạm chỉ được tiếp tục mô tả khi có dấu hiệu đặc biệt khác. Luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử nước ta từ trước đến nay đều thống nhất coi chủ thể của tội hiếp dâm (tội hiếp dâm trẻ em), tội cưỡng dâm (tội cưỡng dâm trẻ em) là nam giới. Người thực hiện hành vi được quy định trong CTTTP của các tội này là nam giới, nữ giới chỉ có thể là đồng phạm các tội này với vai trò là người tổ chức, xúi giục hay giúp sức (Chỉ thị của Toà án nhân dân tối cao số 329-HS2 ngày 11/5/1967). Đây cũng

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự Trường Đại học Luật Hà Nội

là điều được ghi nhận tại các giáo trình luật hình sự của các trường đại học luật hoặc khoa luật ở nước ta từ trước đến nay.⁽²⁾ Nhưng trong các CTTP của các tội này (từ Điều 111 đến Điều 114 BLHS năm 1999) và cả các điều 112, 112a, 113, 114 BLHS năm 1985, chủ thể của các tội cũng chỉ được mô tả như nhiều tội khác là “người nào” mà không kèm theo dấu hiệu về giới của chủ thể như lí luận và thực tiễn xét xử đã thừa nhận. Với sự mô tả như vậy thì có thể hiểu hoặc phải hiểu nam giới hay nữ giới đều có thể là chủ thể của các tội này. Phải chăng các nhà làm luật nước ta xác định chủ thể của các tội hiếp dâm... không chỉ giới hạn là nam giới mà là cả nữ giới? Hiện có ý kiến cho rằng chủ thể của các tội hiếp dâm... không nên chỉ giới hạn là nam giới mà cả nữ giới. Bởi về lí luận cũng như thực tiễn người nữ giới hoàn toàn có thể thực hiện được hành vi giao cấu trái ý muốn của người nam giới bằng một số thủ đoạn quy định trong Điều 111 BLHS như thủ đoạn “lợi dụng tình trạng không thể tự vệ hoặc biểu lộ đúng đắn ý chí của mình” hoặc “dùng thủ đoạn khác” để giao cấu trái với ý muốn của người nam giới. Ví dụ: lợi dụng người nam giới có nhược điểm về tinh thần (bị bệnh tâm thần) để dụ dỗ và giao cấu với họ hoặc lén bỏ thuốc kích dục vào đồ uống của người nam giới trước khi họ uống để họ “muốn giao cấu” và giao cấu với họ mặc dù trước đó hoặc lúc bình thường thì người nam giới không muốn, không có ý định, thậm chí “sợ” phải giao cấu với người phụ nữ. Hơn nữa việc coi nữ giới cũng có thể là chủ thể của tội hiếp dâm... không phải là ngoại lệ.⁽³⁾ Đối với tội cưỡng dâm và tội

cưỡng dâm trẻ em thì hành vi khách quan của các tội này là hành vi ép buộc bằng những thủ đoạn khác nhau người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu. Nạn nhân tuy có bị “cưỡng”, bị khống chế tư tưởng nhưng đã “miễn cưỡng” giao cấu nên cũng không thể nói rằng người nữ giới không thể thực hiện hành vi phạm tội quy định trong luật. Định kiến cho rằng: “*Trong hành vi giao cấu giữa nam và nữ, vai trò chủ động và chi phối thuộc về nam giới và chỉ nam giới với cấu tạo sinh học riêng mới có thể thực hiện được hành vi giao cấu với nữ giới mà không cần sự tự nguyện của nữ giới*”.⁽⁴⁾ không còn đúng cả trong lí luận và thực tiễn nữa. Chúng tôi cho rằng tuy là ít và là những trường hợp cá biệt nhưng quan điểm cho rằng nữ giới không thể là chủ thể của tội hiếp dâm, cưỡng dâm... là không chính xác và không có căn cứ. Người nữ giới hoàn toàn có thể lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc dùng thủ đoạn khác... quy định tại Điều 111 để giao cấu trái với ý muốn của người nam giới hoặc dùng mọi thủ đoạn để khống chế tư tưởng người lệ thuộc mình (nam giới) buộc họ phải miễn cưỡng giao cấu. Chỉ có thể nói rằng vì là những hiện tượng cá biệt nên không coi nữ giới là chủ thể và xử lí hình sự người nữ giới về tội hiếp dâm, cưỡng dâm... mà thôi. Theo chúng tôi cần cần nhắc thêm về quan điểm chủ thể của tội hiếp dâm, cưỡng dâm theo hướng không giới hạn như hiện nay vì: Thứ nhất, như đã phân tích ở trên, người nữ giới có thể lợi dụng tình trạng không thể tự vệ... hoặc dùng thủ đoạn khác để giao cấu

trái với ý muốn của người nam giới hoặc dùng mọi thủ đoạn khống chế tư tưởng người nam giới lệ thuộc mình hoặc người nam giới đang ở trong tình trạng quần bách buộc họ phải miễn cưỡng giao cấu, đặc biệt là đối với các tội hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm trẻ em. Không thừa nhận điều này là chúng ta đã phủ nhận thực tế khách quan và bỏ sót trong xử lý hình sự. *Thứ hai*; đối với trường hợp nạn nhân là trẻ em dưới 13 tuổi thì theo khoản 4 Điều 112 BLHS “*Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em...*” và trẻ em nam hoàn toàn có thể là nạn nhân của tội này. Người nữ giới có thể thỏa mãn tình dục của mình bằng thủ đoạn dụ dỗ, ép buộc, khống chế, mua chuộc... trẻ em nam dưới 13 tuổi giao cấu với họ. Hơn nữa trẻ em nam dưới 13 tuổi đã có nhu cầu tình dục hiện nay không còn là cá biệt và các em hoàn toàn có thể bị lạm dụng. Chẳng lẽ luật hình sự chỉ bảo vệ trẻ em nam giới từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi khỏi sự lạm dụng tình dục của người lớn (theo quy định của Điều 115 BLHS)? *Thứ ba*, Điều 3, Điều 12 và nhiều điều khác của BLHS đã thể hiện luật hình sự Việt Nam không có sự phân biệt địa vị xã hội hay giới tính trong việc quy định chủ thể của tội phạm. Từ những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị: 1) Không thể nói rằng nữ giới không thể là chủ thể của các tội theo quy định của các điều 111, 112, 113, 114 BLHS; 2) Việc có thừa nhận nữ giới là chủ thể của tội hiếp dâm (hiếp dâm trẻ em) tội cưỡng dâm (cưỡng dâm trẻ em) hay không cần được tiếp tục nghiên cứu, khảo sát, điều tra xã hội học. Nếu qua khảo sát, điều tra cho

thấy hành vi xâm phạm tình dục nam giới do người nữ giới thực hiện không còn là những hiện tượng cá biệt nữa thì cần xem xét lại hướng dẫn của Chỉ thị số 329-HS2 và sự thừa nhận từ trước đến nay của chúng ta. Nếu qua khảo sát cho thấy hành vi xâm phạm tình dục nam giới do người nữ giới thực hiện chỉ là những trường hợp hết sức hiếm và hầu như xa lạ với nữ giới ở nước ta vốn chịu ảnh hưởng bởi các truyền thống đạo đức và lễ nghi Nho giáo, tác hại gây ra không lớn và không cần thiết phải xử lý hình sự những hiện tượng cá biệt này và cũng đề chấm dứt các tranh luận, thắc mắc trong CTTP tội hiếp dâm (hiếp dâm trẻ em), tội cưỡng dâm (cưỡng dâm trẻ em) luật phải quy định rõ “Người nam giới nào...”.

2. Quy định của Điều 112 BLHS tội hiếp dâm trẻ em

Nghiên cứu quy định về tội này chúng tôi thấy một số bất hợp lý sau:

- Khoản 4 Điều 112 BLHS quy định: “*Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình*” là chưa thực hiện triệt để nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự và nguyên tắc công bằng trong luật hình sự. Bởi trường hợp giao cấu trái với ý muốn của trẻ em dưới 13 tuổi và trường hợp giao cấu không trái ý muốn của trẻ em dưới 13 tuổi là khác nhau; trường hợp giao cấu với trẻ em dưới 6 tuổi và trường hợp giao cấu với trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 13 tuổi cũng khác nhau và do vậy cũng khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi nên không thể đánh đồng với

nhau trong xử lý hình sự mà cần phải được phân hoá trách nhiệm hình sự ngay trong luật. Sờ dĩ phải phân hoá các trường hợp trên vì: *Thứ nhất*, theo quy định tại khoản 4 Điều 112: “*Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em...*”. Có thể hiểu quy định này như sau: Người phạm tội giao cấu trái với ý muốn của trẻ em dưới 13 tuổi bằng các thủ đoạn quy định tại Điều 111 BLHS; người phạm tội giao cấu không trái với ý muốn của trẻ em dưới 13 tuổi (giao cấu được sự đồng ý của nạn nhân). Hành vi giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi dù có dùng các thủ đoạn quy định tại Điều 111 BLHS hay không dùng các thủ đoạn đó đều bị coi là hành vi hiếp dâm trẻ em. Thực tiễn xét xử ở nước ta và thực tiễn đó đã được phản ánh trong BLHS: “*Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em...*” là hoàn toàn đúng đắn bởi nhà làm luật nước ta coi việc lợi dụng độ tuổi để có được sự đồng ý của nạn nhân cũng là một dạng cụ thể của thủ đoạn khác - thủ đoạn lợi dụng tình trạng không thể tự vệ và không có khả năng biểu lộ ý chí đúng đắn của trẻ em. Tuy nhiên, nếu có trường hợp giao cấu trái với ý muốn của nạn nhân, nạn nhân có xử sự phản kháng chống lại việc giao cấu và người phạm tội đã dùng các thủ đoạn quy định tại Điều 111 BLHS để thoả mãn thú tính của mình thì so với trường hợp giao cấu mà có sự đồng ý của nạn nhân là có sự khác nhau về “mức độ cố ý phạm tội” của người phạm tội trong điều kiện các tình tiết khác tương đương. *Ví dụ*, nạn nhân tương đương về độ tuổi... và do vậy, phải có sự khác nhau về trách nhiệm

hình sự. Việc xác định dấu hiệu trái với ý muốn của nạn nhân cũng tương tự như trường hợp quy định tại Điều 111 BLHS, nghĩa là nạn nhân không chấp nhận hành vi giao cấu và có xử sự phản kháng chống lại việc giao cấu. Trường hợp giao cấu trái với ý muốn của nạn nhân thường là đối với nạn nhân trong độ tuổi 10 đến dưới 13 tuổi, bởi ở độ tuổi này các em đã có ý thức về giới, đã có ý thức bảo vệ mình và nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi xâm hại và có xử sự phản kháng chống lại việc giao cấu. Đối với trường hợp trẻ em còn quá nhỏ (dưới 10 tuổi), do thể lực và trí lực còn quá non nớt nên việc xác định có trái với ý muốn của nạn nhân hay không không được đặt ra. *Thứ hai*, cũng theo quy định của khoản 4 Điều 112 BLHS: “*Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em...*” cũng chưa thể hiện sự phân hoá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội xâm hại các đối tượng khác nhau về độ tuổi. Thực tiễn xét xử tội hiếp dâm trẻ em cho thấy có trường hợp phạm tội nạn nhân là trẻ dưới 6 tuổi thậm chí 1 đến 2 tuổi. Có trường hợp nạn nhân là trẻ trên 6 tuổi đến dưới 13 tuổi. Hành vi xâm hại đến các đối tượng khác nhau về độ tuổi như vậy là có sự khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do vậy cũng khác nhau về trách nhiệm hình sự. Chúng tôi cho rằng trong thực tiễn xét xử, khi quyết định hình phạt toà án không thể không cân nhắc đến độ tuổi của nạn nhân nhưng vẫn cần phải có sự phân hoá trách nhiệm hình sự ngay trong luật trường hợp nạn nhân là trẻ em dưới 6 tuổi với trường hợp nạn nhân là trẻ em từ

đủ 6 tuổi đến dưới 13 tuổi và quy định hình phạt nghiêm khắc nhất đối với trường hợp hiếp dâm trẻ em dưới 6 tuổi bởi hành vi phạm tội đã thể hiện tính nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về nhiều mặt cho hiện tại cũng như tương lai của nạn nhân hoặc dẫn đến chết người.

- Hiếp dâm trẻ em chưa đủ 13 tuổi (trái hoặc không trái ý muốn) dù có hay không có tình tiết tăng nặng định khung quy định tại khoản 2, 3 Điều 112 thì theo quy định vẫn phải xử lí người phạm tội theo khoản 4 Điều 112. Nhưng nếu so sánh hình phạt quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 112 thì tội phạm quy định tại khoản 3 Điều 112 phải được coi là tội nặng hơn tội phạm quy định tại khoản 4 Điều 112 vì tuy hình phạt cao nhất của hai khoản là bằng nhau (tử hình) nhưng khoản 3 Điều 112 có mức hình phạt tối thiểu cao hơn (20 năm tù) so với mức tối thiểu tại khoản 4 (12 năm tù). Theo quy định hiện hành thì người phạm tội hiếp dâm trẻ em dưới 13 tuổi (khoản 4) lại có thêm một hoặc một số tình tiết tăng nặng định khung quy định tại khoản 3 chỉ bị xử lí theo quy định của khoản 4 (tội nhẹ hơn) so với quy định của khoản 3 (tội nặng hơn) là không công bằng.

Sửa chữa những bất hợp lí này theo chúng tôi cần: *Thứ nhất*, tách khoản 4 Điều 112 thành hai đoạn tương tự quy định của khoản 4 Điều 111; *Thứ hai*, phải phân biệt trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi trái với ý muốn của nạn nhân và trường hợp không trái ý muốn của nạn nhân; *Thứ ba*, trường hợp giao cấu với trẻ em dưới 6 tuổi cũng phải được phân biệt với trường

hợp giao cấu với trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 13 tuổi. Từ những phân tích trên có thể hoàn thiện khoản 4 Điều 112 BLHS như sau:

“... ”

4. Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

Giao cấu trái với ý muốn của trẻ em dưới 13 tuổi, giao cấu với trẻ em dưới 6 tuổi hoặc phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này thì bị phạt tù chung thân hoặc tử hình”.

3. Về dấu hiệu của tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS)

Quy định của Điều 115 còn hạn chế sau: Điều 115 BLHS quy định “Người nào đã thành niên mà giao cấu với trẻ em. ..” Lí luận và cả thực tiễn xét xử nước ta từ trước đến nay đều thừa nhận dấu hiệu thuận tình giao cấu là dấu hiệu bắt buộc của tội này để phân biệt với dấu hiệu giao cấu mà không có dấu hiệu thuận tình của nạn nhân ở các tội khác.⁽⁵⁾ Là dấu hiệu đặc trưng của tội phạm và cũng là dấu hiệu để phân biệt với các tội khác cũng có hành vi giao cấu nhưng không thuận tình mà là “Trái ý muốn” (Tội hiếp dâm...) hoặc “Đồng tình miễn cưỡng” (Tội cưỡng dâm...) nên chúng tôi đồng ý với ý kiến cho rằng bổ sung dấu hiệu “thuận tình” trong CTTTP cơ bản của tội giao cấu với trẻ em. Quy định như vậy sẽ rõ ràng và dễ hiểu hơn, tránh được những cách hiểu và vận dụng khác nhau. Do vậy khoản 1 Điều 115 BLHS nên sửa thành:

1. “Người nào đã thành niên mà giao cấu thuận tình với trẻ em...”.⁽⁶⁾

4. Về thái độ tâm lý (lỗi) của người phạm tội với đối tượng bị xâm hại là trẻ em (Điều 112, 114, 115, 116 BLHS)

Thực hiện chính sách xử lý nghiêm khắc đối với các hành vi phạm tội xâm hại trẻ em nói chung và xâm hại tình dục trẻ em nói riêng, BLHS năm 1999 quy định các tội: Hiếp dâm trẻ em (Điều 112); cưỡng dâm trẻ em (Điều 114); giao cấu với trẻ em (Điều 115); dâm ô đối với trẻ em (Điều 116) và quy định hình phạt đối với các tội này nặng hơn các tội tương ứng có đối tượng bị xâm hại không phải là trẻ em do tính chất đặc biệt của đối tượng được bảo vệ và bị xâm hại của các tội này là trẻ em. Cũng như các tội phạm khác, tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Khách thể bị xâm phạm; tính chất của hành vi khách quan; hậu quả của tội phạm; tính chất và mức độ lỗi; đối tượng của tội phạm... Phạm tội đối với trẻ em nói chung và phạm các tội hiếp dâm trẻ em... nói riêng đều là các tội cố ý và có dấu hiệu đặc trưng ở đối tượng bị xâm hại là trẻ em do đó nội dung của lỗi cố ý của người phạm các tội này hay ý thức chủ quan của người phạm các tội này cũng phải được xem xét trong mối liên quan của nó với các yếu tố thuộc CTTP trong đó có: Tính chất của hành vi khách quan đặc biệt là đối tượng của hành vi khách quan đó... bởi ở các tội này, đặc điểm của đối tượng bị xâm hại là trẻ em là dấu hiệu quyết định đến tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Do vậy, lỗi cố ý của người phạm tội phải được hiểu là cố ý đối với cả các đặc điểm này. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến của GS.TSKH. Đào

Tri Úc: “Không chỉ các yếu tố thuộc CTTP cơ bản mà các yếu tố và tình tiết nằm ngoài CTTP cơ bản, trong đó có các yếu tố thuộc về CTTP tăng nặng, chỉ có thể là cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự khi chủ thể nhận thức được về chúng. Khi chủ thể không ý thức được và hơn thế nữa, lại còn không thể hoặc không cần phải biết được về sự hiện diện của các tình tiết liên quan đến tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi thì chủ thể không thể phải chịu trách nhiệm hình sự về điều không biết đó... Và do đó trong nhiều trường hợp, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội hiếp dâm trẻ em được quy định tại Điều 112 BLHS sẽ thiếu căn cứ, nếu chỉ đơn thuần ghi nhận rằng, vì người bị hại là trẻ em”.⁽¹⁾

(Xem tiếp trang 27)

(1).Xem: GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa, “Luật hình sự Việt Nam - Sự phát triển trong 20 năm đổi mới và các định hướng hoàn thiện”, *Tạp chí luật học*, số 1/2007, tr. 2 - 10.

(2).Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*. Tập 1, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2009, tr. 423, 424...; Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 142, 143...).

(3). (6).Xem: Dương Tuyết Miên, “Về các tội phạm tình dục trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí luật học*, số 6/1998, tr. 46 - 49.

(4).Xem: ThS. Nguyễn Tuyết Mai, “Luật hình sự Việt Nam nhìn từ góc độ tiếp cận về giới”, *Tạp chí luật học*, số 3/2007, tr. 42 - 45.

(5).Xem: “Chi thị số 329/HS2 ngày 11/5/1967 của Tòa án nhân dân tối cao”, *Hệ thống hoá luật lệ về hình sự* (tập 1), Tòa án nhân dân tối cao, 1974, tr. 397.

(7).Xem: Đào Tri Úc, “*Luật hình sự Việt Nam, quyển 1, Những vấn đề chung*”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 267.